

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
HĐ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Số: /LT-HĐTKTHP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng

LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN, HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2017 - 2018
KHOA ĐÔNG PHƯƠNG

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Ngành học	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Phòng thi
1	1721A1502003	Tiếng Hàn kinh tế - thương mại	2.00	Hàn Quốc học	-	-	-	-
2	1721A1510302	Tiếng Hàn văn phòng 1	2.00	Hàn Quốc học	-	-	-	-
3	172KOR30603	Tiếng Hàn nghe - nói 1	2.00	Hàn Quốc học	-	-	-	-
4	1721A1502002	Tiếng Hàn kinh tế - thương mại	2.00	Hàn Quốc học	-	-	-	-
5	172JAP44005	Tiếng Nhật nghe - nói 4	2.00	Ngôn ngữ Nhật	-	-	-	-
6	1721A1500905	Tiếng Nhật dịch nói 2	2.00	Nhật Bản học	-	-	-	-
7	1721A1502001	Tiếng Hàn kinh tế - thương mại	2.00	Hàn Quốc học	-	-	-	-
8	172JAP31004	Tiếng Nhật nghe - nói 1	2.00	Tiếng Nhật thương mại	-	-	-	-
9	172KOR42702	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2.00	Hàn Quốc học	-	-	-	-
10	172KOR42704	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2.00	Hàn Quốc học	-	-	-	-
11	1721A1500902	Tiếng Nhật dịch nói 2	2.00	Nhật Bản học	-	-	-	-
12	172JAP44002	Tiếng Nhật nghe - nói 4	2.00	Ngôn ngữ Nhật, Nhật Bản học, Tiếng Nhật	-	-	-	-
13	1721A1509901	Tiếng Hàn - dịch viết 2	2.00	Hàn Quốc học	-	-	-	-
14	172JAP31001	Tiếng Nhật nghe - nói 1	2.00	Nhật Bản học, Tiếng Nhật thương mại	-	-	-	-
15	172KOR42701	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2.00	Hàn Quốc học	-	-	-	-
16	1721A1500906	Tiếng Nhật dịch nói 2	2.00	Nhật Bản học	-	-	-	-

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Ngành học	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Phòng thi
17	1721A1510301	Tiếng Hàn văn phòng 1	2.00	Hàn Quốc học	-	-	-	-
18	172JAP31003	Tiếng Nhật nghe - nói 1	2.00	Tiếng Nhật thương mại	-	-	-	-
19	1721A1509703	Tiếng Hàn - dịch nói 2	2.00	Hàn Quốc học	-	-	-	-
20	172JAP44006	Tiếng Nhật nghe - nói 4	2.00	Ngôn ngữ Nhật	-	-	-	-
21	172KOR30602	Tiếng Hàn nghe - nói 1	2.00	Hàn Quốc học	-	-	-	-
22	1721A1505305	Tiếng Nhật kinh tế - thương mại	2.00	Nhật Bản học	-	-	-	-
23	1721A1505306	Tiếng Nhật kinh tế - thương mại	2.00	Nhật Bản học	-	-	-	-
24	1721A1509701	Tiếng Hàn - dịch nói 2	2.00	Hàn Quốc học	-	-	-	-
25	172JAP31002	Tiếng Nhật nghe - nói 1	2.00	Nhật Bản học	-	-	-	-
26	1721A1509902	Tiếng Hàn - dịch viết 2	2.00	Hàn Quốc học	-	-	-	-
27	172KOR30601	Tiếng Hàn nghe - nói 1	2.00	Hàn Quốc học	-	-	-	-
28	1721A1505301	Tiếng Nhật kinh tế - thương mại	2.00	Nhật Bản học	-	-	-	-
29	172JAP31005	Tiếng Nhật nghe - nói 1	2.00	Tiếng Nhật thương mại	-	-	-	-
30	1721A1505302	Tiếng Nhật kinh tế - thương mại	2.00	Nhật Bản học	-	-	-	-
31	1721A1505303	Tiếng Nhật kinh tế - thương mại	2.00	Nhật Bản học	-	-	-	-
32	1721A1506501	Tiếng Nhật nói 5	3.00	Nhật Bản học	-	-	-	-
33	172KOR30802	Tiếng Hàn ngữ pháp 1	2.00	Hàn Quốc học	08h00	Thứ Hai	9/4/2018	BPH105 (45)
34	172KOR30801	Tiếng Hàn ngữ pháp 1	2.00	Hàn Quốc học	08h00	Thứ Hai	9/4/2018	BPH107 (47)
35	172KOR30803	Tiếng Hàn ngữ pháp 1	2.00	Hàn Quốc học	08h00	Thứ Hai	9/4/2018	BPH109 (50)
36	172KOR43203	Tiếng Hàn ngữ pháp 4	2.00	Hàn Quốc học	09h40	Thứ Hai	9/4/2018	BPH105 (44)

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Ngành học	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Phòng thi
37	172KOR43201	Tiếng Hàn ngữ pháp 4	2.00	Hàn Quốc học	09h40	Thứ Hai	9/4/2018	BPH107 (56)
38	172KOR43202	Tiếng Hàn ngữ pháp 4	2.00	Hàn Quốc học	09h40	Thứ Hai	9/4/2018	BPH109 (50)
39	172JAP31202	Tiếng Nhật ngữ pháp 1	2.00	Nhật Bản học	13h30	Thứ Hai	9/4/2018	BPH107 (55)
40	172JAP31201	Tiếng Nhật ngữ pháp 1	2.00	Nhật Bản học	13h30	Thứ Hai	9/4/2018	BPH106 (41)
41	172JAP31203	Tiếng Nhật ngữ pháp 1	2.00	Nhật Bản học	13h30	Thứ Hai	9/4/2018	BPH108 (32)
42	172JAP30602	Tiếng Nhật đọc - viết 1	2.00	Tiếng Nhật thương mại	08h00	Thứ Ba	10/4/2018	BPH105 (47)
43	172JAP30601	Tiếng Nhật đọc - viết 1	2.00	Tiếng Nhật thương mại	08h00	Thứ Ba	10/4/2018	BPH107 (48)
44	172JAP30603	Tiếng Nhật đọc - viết 1	2.00	Tiếng Nhật thương mại	08h00	Thứ Ba	10/4/2018	BPH109 (47)
45	172JAP44903	Tiếng Nhật đọc - viết 4	2.00	Ngôn ngữ Nhật	09h40	Thứ Ba	10/4/2018	BPH105 (40)
46	172JAP31401	Tiếng Nhật tổng hợp 1	2.00	Nhật Bản học	09h40	Thứ Ba	10/4/2018	BPH107 (43)
47	172JAP31402	Tiếng Nhật tổng hợp 1	2.00	Nhật Bản học	09h40	Thứ Ba	10/4/2018	BPH109 (56)
48	172KOR30401	Tiếng Hàn đọc 1	2.00	Hàn Quốc học	13h30	Thứ Ba	10/4/2018	BPH107 (51)
49	172KOR30402	Tiếng Hàn đọc 1	2.00	Hàn Quốc học	13h30	Thứ Ba	10/4/2018	BPH108 (38)
50	172KOR30403	Tiếng Hàn đọc 1	2.00	Hàn Quốc học	13h30	Thứ Ba	10/4/2018	BPH109 (51)
51	172JAP46803	Tiếng Nhật tổng hợp 4	2.00	Nhật Bản học	15h10	Thứ Ba	10/4/2018	BPH108 (42)
52	172JAP46802	Tiếng Nhật tổng hợp 4	2.00	Nhật Bản học	15h10	Thứ Ba	10/4/2018	BPH109 (46)
53	172JAP10101	Tiếng Nhật 1	3.00	Tiếng Trung thương mại	08h00	Thứ Tư	11/4/2018	BPH105 (2)

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Ngành học	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Phòng thi
54	1721A1501101	Tiếng Nhật dịch viết 2	2.00	Nhật Bản học	08h00	Thứ Tư	11/4/2018	BPH107 (54)
55	1721A1501104	Tiếng Nhật dịch viết 2	2.00	Nhật Bản học	08h00	Thứ Tư	11/4/2018	BPH105 (40)
56	1721A1501106	Tiếng Nhật dịch viết 2	2.00	Nhật Bản học	09h40	Thứ Tư	11/4/2018	BPH105 (44)
57	1721A1501105	Tiếng Nhật dịch viết 2	2.00	Nhật Bản học	09h40	Thứ Tư	11/4/2018	BPH107 (45)
58	1721A1506706	Tiếng Nhật văn phòng 1	2.00	Nhật Bản học	13h30	Thứ Tư	11/4/2018	BPH107 (55)
59	1721A1506705	Tiếng Nhật văn phòng 1	2.00	Nhật Bản học	13h30	Thứ Tư	11/4/2018	BPH105 (47)
60	1721A1506702	Tiếng Nhật văn phòng 1	2.00	Nhật Bản học	15h10	Thứ Tư	11/4/2018	BPH107 (48)
61	1721A1506703	Tiếng Nhật văn phòng 1	2.00	Nhật Bản học	15h10	Thứ Tư	11/4/2018	BPH105 (46)
62	172JAP45402	Tiếng Nhật đọc 4	2.00	Nhật Bản học	08h00	Thứ Sáu	13/4/2018	BPH107 (60)
63	172JAP45403	Tiếng Nhật đọc 4	2.00	Nhật Bản học	08h00	Thứ Sáu	13/4/2018	BPH105 (35)
64	172JAP45401	Tiếng Nhật đọc 4	2.00	Nhật Bản học	08h00	Thứ Sáu	13/4/2018	BPH106 (30)
65	172KOR42002	Tiếng Hàn đọc 4	2.00	Hàn Quốc học	09h40	Thứ Sáu	13/4/2018	BPH105 (55)
66	172KOR42003	Tiếng Hàn đọc 4	2.00	Hàn Quốc học	09h40	Thứ Sáu	13/4/2018	BPH106 (33)
67	172KOR42005	Tiếng Hàn đọc 4	2.00	Hàn Quốc học	09h40	Thứ Sáu	13/4/2018	BPH107 (56)
68	1721A1507301	Tiếng Nhật viết 6	3.00	Nhật Bản học	13h30	Thứ Sáu	13/4/2018	BPH104 (1)
69	1721A1505102	Tiếng Nhật đọc 5	3.00	Nhật Bản học	13h30	Thứ Sáu	13/4/2018	BPH107 (56)
70	1721A1505101	Tiếng Nhật đọc 5	3.00	Nhật Bản học	13h30	Thứ Sáu	13/4/2018	BPH106 (38)

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Ngành học	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Phòng thi
71	172JAP10301	Tiếng Nhật 3	3.00	Tiếng Trung thương mại	13h30	Thứ Sáu	13/4/2018	BPH104 (19)
72	172JAP30801	Tiếng Nhật đọc 1	2.00	Nhật Bản học	08h00	Thứ Hai	16/4/2018	BPH105 (47)
73	172JAP30802	Tiếng Nhật đọc 1	2.00	Nhật Bản học	08h00	Thứ Hai	16/4/2018	BPH107 (47)
74	172JAP46103	Tiếng Nhật ngữ pháp 4	2.00	Ngôn ngữ Nhật	09h40	Thứ Hai	16/4/2018	BPH107 (51)
75	172JAP46102	Tiếng Nhật ngữ pháp 4	2.00	Ngôn ngữ Nhật	09h40	Thứ Hai	16/4/2018	BPH105 (48)

Ghi chú:

- Sinh viên xem Lịch thi chi tiết tại Cổng thông tin sinh viên (<http://portal.vhu.edu.vn/>);
- Sinh viên phải hoàn thành học phí mới đủ điều kiện dự thi và có mặt trước giờ thi 15 phút để làm thủ tục dự thi;
- Sinh viên thi vấn đáp, thực hành, biểu diễn và nộp tiểu luận liên hệ với văn phòng Khoa/Bộ môn/Giảng viên;
- **Ký hiệu phòng thi:**
 - + Phòng có ký tự đầu A: 665-667-669 Điện Biên Phủ, P. 1, Q. 3, Tp. HCM;
 - + Phòng có ký tự đầu B: 624 Âu Cơ, P. 10, Q. Tân Bình, Tp. HCM;
 - + Phòng có ký tự đầu C: 2A2 KP1, QL1A, P. Thạnh Xuân, Q. 12, Tp. HCM;
 - + Phòng có ký tự đầu D: 613 (số cũ 1004A) Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM;
- Mọi thông tin khác về Lịch thi vui lòng liên hệ với P. QLĐT, ĐT: 08 3832 0333 - 144.

Nơi nhận:

- BDH, VP. BDH (để b/c);
- HĐTKTHP (để t/h);
- Các Ban HĐTKTHP (để t/h);
- Khoa Đông Phương (để t/h);
- Các phòng: QLĐT, HC-NS, TC- KT (để phối hợp t/h);
- Đăng tải website: trang QLĐT, SV;
- Lưu VT, QLĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG THI KTHP
CHỦ TỊCH**